

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2024 của Sở Văn hóa và Thể thao và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính về việc sửa đổi thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hoá và Thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của phòng Kế hoạch - Tài chính Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2024 của Sở Văn hóa và Thể thao và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở (theo Biểu 03 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng chuyên môn thuộc Sở và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám đốc Sở (b/c);
- Website Sở VH-TT.
- Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Trung

Đơn vị: Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh BRVT

Chương:429

Biểu số 3

Ban hành kèm theo Thông tư 61/2017/TT-BTC

ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số 528/QĐ-SVHTT ngày 12/7/2024 của Sở Văn hoá và Thể thao)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	TH 6 tháng đầu năm 2023	So sánh %	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
1	2	3	4		5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí	16.476	11.068	8.381	67,17%	132,05%
1	Văn phòng Sở Văn hoá và Thể thao	136	47	60	34,82%	78,53%
2	Thư viện tỉnh	8	2	2	25,00%	100,00%
3	Bảo tàng tỉnh	4.010	3.109	3.107	77,53%	100,06%
4	TT Bảo tồn di tích QG Côn Đảo	12.322	7.909	5.212	64,19%	151,75%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	16.457	5.941	2.565	36,10%	232%
1	Chi quản lý hành chính	117	39	11	33,49%	356%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	117	39	11	33,49%	356%
	Sở Văn hoá và Thể thao	117	39	11	33,49%	356%
2	Chi sự nghiệp văn hoá	16.340	5.902	2.554	36,12%	231,05%
a	Chi thường xuyên	10.207	4.197	1.903	41,12%	220,49%
	Bảo tàng tỉnh	2.806	1.243	438	44,30%	283,49%
	TT Bảo tồn di tích QG Côn Đảo	7.393	2.954	1.465	39,96%	201,64%
	Thư viện tỉnh	8	-	-	0,00%	0,00%
b	Chi không thường xuyên	6.133	1.705	651	27,80%	261,90%
	Bảo tàng tỉnh	1.204	1.627	565	135,13%	287,96%
	TT Bảo tồn di tích QG Côn Đảo	4.929	78	86	1,58%	90,70%
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	19	3	6	0,00%	48,50%
1	Sở Văn hoá và Thể thao	19	3	6	0,00%	48,50%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	249.988	81.662	68.905	32,67%	118,51%
I	Nguồn ngân sách trong nước	249.988	81.662	68.905	32,67%	118,51%
1	Chi quản lý hành chính	8.032	3.130	2.869	38,97%	109,12%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.727	3.056	2.768	39,55%	110,41%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	305	74	101	24,39%	73,69%
2	Chi sự nghiệp văn hóa	92.765	25.536	22.424	27,53%	113,88%
a	Chi thường xuyên	34.632	15.615	9.177	45,09%	170,15%
	Thư viện tỉnh	5.598	2.281	1.593	40,75%	143,19%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	TH 6 tháng đầu năm 2023	So sánh %	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
1	2	3	4		5	6
	Nhà hát tỉnh	6.385	2.948	2.292	46,17%	128,62%
	Bảo tàng tỉnh	4.938	2.330	1.915	47,19%	121,67%
	TT Bảo tồn di tích QG Côn Đảo	12.169	5.900	5.331	48,48%	110,67%
	Trung tâm Văn hoá tỉnh	5.542	2.156	1.877	38,90%	114,86%
b	Chi không thường xuyên	58.133	9.921	13.247	17,07%	74,89%
	Văn phòng Sở Văn hoá và Thể thao	22.493	2.877	6.626	12,79%	43,42%
	Thư viện tỉnh	4.206	1.150	1.011	27,34%	114%
	Nhà hát tỉnh	10.335	1.637	2.566	15,84%	63,80%
	Bảo tàng tỉnh	8.519	945	135	11,09%	699,63%
	TT Bảo tồn di tích QG Côn Đảo	3.933	1.553	844	39,49%	184,00%
	Trung tâm Văn hoá tỉnh	8.647	1.759	2.275	20,34%	77,32%
3	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	49.285	16.386	12.022	33,25%	136,3%
a	Chi thường xuyên	4.663	1.965	1.646	42,14%	119,4%
	TT Huấn luyện và Thi đấu TDTT	4.663	1.965	1.646	42,14%	119,4%
b	Chi không thường xuyên	44.622	14.421	10.376	32,32%	139,0%
	Văn phòng Sở Văn hoá và Thể thao	24.937	7.216	3.876	28,94%	186%
	TT Huấn luyện và Thi đấu TDTT	19.685	7.205	6.500	36,60%	110,85%
4	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	779	220	320	0	69%
	Văn phòng Sở Văn hoá và Thể thao	353	11	320	3%	3%
	Trung tâm Văn hoá tỉnh	200	197			
	Thư viện tỉnh	226	12		5%	
5	Chi sự nghiệp công nghệ thông tin	4.010	9	-	0	
	Văn phòng Sở Văn hoá và Thể thao	3.524	4		0%	
	Bảo tàng tỉnh	263	5		2%	
	Nhà hát tỉnh	37			0%	
	TT Bảo tồn di tích QG Côn Đảo	74			0%	
	TT Huấn luyện và Thi đấu TDTT	30			0%	
	Thư viện tỉnh	52			0%	
	Trung tâm Văn hoá tỉnh	30			0%	
6	Chi hoạt động công tác Đảng	133	-	-	0%	
	Văn phòng Sở Văn hoá và Thể thao	133	0	0	0%	
7	Chi khen thưởng	84	-	-	0%	
	Văn phòng Sở Văn hoá và Thể thao	84			0%	
8	Chi trợ cấp xã hội (trợ cấp tết)	978	978	975	100,00%	100,31%
	Văn phòng Sở Văn hoá và Thể thao	108	108	111	100%	97,30%
	Thư viện tỉnh	105	105	99	100%	106%
	Nhà hát tỉnh	132	132	126	100,00%	104,76%
	Bảo tàng tỉnh	132	132	135	100%	97,78%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	TH 6 tháng đầu năm 2023	So sánh %	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
1	2	3	4		5	6
	TT Bảo tồn di tích QG Côn Đảo	261	261	264	100%	98,86%
	Trung tâm Văn hoá tỉnh	132	132	132	100%	100,00%
	TT Huấn luyện và Thi đấu TDTT	108	108	108	100%	100,00%
9	Chương trình Đề án	93.922	35.403	30.295	38%	116,86%
	Thư viện tỉnh	2.323	127	164	5%	77,44%
	Văn phòng Sở Văn hoá và Thể thao	1.599			0%	
	TT Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao	90.000	35.276	30.131	39%	117,08%